

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN XV

Phẩm 8: PHẠM HẠNH 1

Này thiện nam! Thế nào là phạm hạnh của Đại Bồ-tát?

Này thiện nam! Đại Bồ-tát trụ nơi Đại Bát Niết Bàn Đại Thừa, trụ bảy pháp thiện, được đầy đủ phạm hạnh. Những gì là bảy pháp? Một là biết pháp, hai là biết nghĩa, ba là biết thời, bốn là biết đủ, năm là biết mình, sáu là biết người, bảy là biết tôn ti.

Này thiện nam! Thế nào là Đại Bồ-tát biết pháp?

Này thiện nam! Đại Bồ-tát biết Mười hai bộ loại kinh văn. Đó là Tu-đa-la (Khế kinh), Kỳ-dạ (Trùng tụng), Thọ ký, Già-đà (Kệ tụng), Ưu-đà-na (Tự thuyết), Ni-đà-na (Nhân duyên), A-bà-đà-na (Thí dụ), Y-đế-mục-đa-na (Bản sự), Xà-đà-già (Bản sinh), Tỳ-phật-lược (Phương quảng), A-phù-đà-đạt-na (Vị tăng hữu), Ưu-bà-đề-xá (Luận nghị).

Này thiện nam! Thế nào gọi là Tu-đa-la (Khế kinh)? Từ “Như thị ngã văn” cho đến câu “Hoan hỷ phụng hành”, tất cả như vậy gọi là Tu-đa-la (Khế kinh)

Thế nào gọi là Kỳ-dạ (Trùng tụng)? Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: “Xưa Ta cùng với các ông ngu si không có trí tuệ, không thể như thật thấy bốn chân đế, cho nên lưu chuyển mãi trong sinh tử, chìm đắm nơi biển khổ lớn. Những gì là bốn đế? Đó là Khổ, Tập, Diệt, Đạo”.

Như Phật vì các Tỳ-kheo nói khế kinh ấy xong, lúc ấy lại có những chúng sinh căn trí sáng suốt, vì muốn nghe lại pháp này, nên sau đó họ đến chỗ Phật hỏi mọi người: “Như Lai vừa rồi nói việc gì?”. Khi ấy, Đức Phật biết hàng chúng sinh đó, liền nhân kinh vừa

giảng nói thành kệ:

*Ta xưa cùng các ông
Không thấy bốn chân đế
Cho nên lưu chuyển mãi
Trong biển khổ sinh tử
Nếu thấy được bốn đế
Thì dứt sạch sinh tử
Sinh tử đã dứt rồi
Không còn thọ sinh nữa.*

Đó là kinh Kỳ-dạ (Trùng tụng).

Thế nào gọi là kinh Thọ ký?

Khi Như Lai giảng nói kinh hay luật thọ ký thành Phật cho hàng trời người, như nói: “Này A-dật-đa! Đời vị lai có vua hiệu là Nhưưng Khư, vào thời đó ông sẽ thành Phật đạo, hiệu là Di-lặc”, đó gọi là kinh Thọ ký.

Thế nào gọi là kinh Già-đà (Kệ tụng)?

Trừ kệ kinh và các giới luật ra, còn có nói bài kệ bốn câu, như:

*Chớ làm việc ác
Nên làm việc thiện
Làm sạch ý mình
Là lời Phật dạy.*

Đó gọi là kinh Già-đà (Kệ tụng).

Thế nào gọi là kinh Ưu-đà-na (Tự thuyết)?

Như Phật vào lúc xế chiều nhập thiền định, vì chư Thiên giảng nói rộng các pháp yếu. Lúc ấy, các Tỳ-kheo nghĩ: “Hôm nay Như Lai làm việc gì?”. Sáng sớm hôm nay Như Lai ra khỏi thiền định, tuy không có người hỏi, nhưng nhờ tha tâm trí liền tự nói ra: “Các Tỳ-kheo nên biết, tuổi thọ của chư Thiên rất lâu. Này các Tỳ-kheo! Lành thay! Vì người khác mà chẳng cầu lợi ích cho mình. Lành thay! Ít muốn! Lành thay! Biết đủ! Lành thay! Được tịch tĩnh”. Những kinh như vậy, không ai hỏi mà Đức Phật tự nói. Đó gọi là kinh Ưu-đà-na

(Tự thuyết).

Thế nào gọi là kinh Ni-đà-na (Nhân duyên)?

Như bài kệ trong các kinh do nhân duyên căn bản là Đức Phật vì người khác diễn nói. Như trong nước Xá-vệ có một người đàn ông giăng lưới bắt chim, bắt chim rồi nhốt trong lồng, cho uống nước, ăn gạo rồi lại thả bay đi. Thế Tôn biết gốc ngọn nhân duyên đó nên nói kệ:

*Chớ khinh tội nhỏ
Là không có hại
Giọt nước tuy ít
Dần đầy lu lớn.*

Đó gọi là kinh Ni-đà-na (Nhân duyên).

Thế nào gọi là kinh A-ba-đà-na (Thí dụ)?

Như những thí dụ trong giới luật đã nói đó gọi là kinh A-ba-đà-na (Thí dụ).

Thế nào gọi là kinh Y-đế-mục-đa-na (Bản sự)?

Như Đức Phật đã nói: “Tỳ-kheo phải biết! Khi Ta ra đời, những điều Ta dạy thì gọi là giới kinh, lúc Đức Phật Câu-lưu-tôn ra đời thì gọi là trống cam lồ. Lúc Đức Phật Câu-na-hàm Mâu-ni ra đời gọi là gương pháp, lúc Phật Ca-diếp ra đời gọi là phân biệt pháp không. Đó gọi là kinh Y-đế-mục-đa-na (Bản sự).

Thế nào là kinh Xà-đà-già (Bản sinh)?

Đó là việc tu các hạnh khổ khi Thế Tôn còn làm vị Bồ-tát, như Phật dạy: “Các Tỳ-kheo nên biết! Ở quá khứ Ta đã từng làm nai, làm gấu, làm beo, làm thỏ, làm vua nước nhỏ, làm Chuyển luân Thánh vương, làm rồng, làm chim kim sí v.v... Cái thân thọ nhận khi hành đạo Bồ-tát làm các loài như vậy. Đó gọi là kinh Xà-đà-già (Bản sinh).

Thế nào gọi là kinh Tỳ-phật-lược (Phương quảng)?

Đó là kinh điển Đại Thừa Phương Đẳng, nghĩa của kinh ấy rộng lớn giống như hư không, đó gọi là kinh Tỳ-phật-lược (Phương quảng).

Thế nào gọi là kinh A-phù-đà-đạt-ma (Vị tăng hữu)?

Như lúc Bồ-tát mới ra đời không có người đỡ dắt mà tự đi bảy bước, phóng ra ánh sáng lớn biến khắp mười phương, như con vượn tay bưng bát mật dâng cúng Như Lai, như chó cổ trắng đến bên Đức Phật nghe pháp, như ma Ba-tuần biến làm trâu xanh đi trong bát sành, khiến bát sành chạm nhau mà không bể, như lúc Phật mới sinh đi vào miếu trời làm cho tượng trời đứng dậy cung kính làm lễ. Các kinh thuật việc như vậy gọi là kinh A-phù-đà-đạt-ma (Vị tăng hữu).

Thế nào gọi là kinh Ưu-bà-đề-xá (Luận nghị)?

Như các kinh mà Thế Tôn đã thuyết hoặc luận bàn, phân biệt, nói rộng, nói rõ các tướng mạo. Đó gọi là kinh Ưu-bà-đề-xá (Luận nghị). Nếu Bồ-tát có thể biết rõ Mười hai bộ loại kinh văn như vậy, thì gọi là biết pháp.

Thế nào gọi là Đại Bồ-tát biết nghĩa?

Nếu Đại Bồ-tát đối với tất cả văn tự ngôn ngữ biết rộng nghĩa thì gọi là biết nghĩa.

Thế nào gọi là Bồ-tát biết thời?

Này thiện nam! Bồ-tát khéo biết trong những lúc như vậy, có thể tu tập tịch tĩnh, trong những lúc như vậy có thể tu tập tinh tấn, trong những lúc như vậy có thể tu tập định xả, trong những lúc như vậy có thể cúng dường chư Phật, trong những lúc như vậy có thể cúng dường sư trưởng, trong những lúc như vậy có thể bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ đầy đủ. Đó gọi là biết thời.

Thế nào gọi là Bồ-tát biết đủ?

Này thiện nam! Đại Bồ-tát biết đủ là biết đủ việc ăn uống, thuốc thang, y phục, đi, đứng, ngồi, nằm, ngủ, thức, nói năng, im lặng...

Này thiện nam! Thế nào là Bồ-tát biết mình?

Đó là Bồ-tát tự biết mình có lòng tin như vậy, giới như vậy, đa văn như vậy, xả như vậy, tuệ như vậy, đến đi như vậy. Đó gọi là biết mình.

Thế nào là Đại Bồ-tát biết chúng?

Này thiện nam! Đó là Bồ-tát biết các chúng như chúng Sát-lợi,

chúng Bà-la-môn, chúng Cư sĩ, chúng Sa-môn, đối với các chúng ấy biết đi đến như vậy, ngồi đứng như vậy, thuyết pháp như vậy, hỏi đáp như vậy. Đó gọi là biết chúng.

Này thiện nam! Thế nào là Bồ-tát biết tôn kính mọi người?

Này thiện nam! Người có hai hạng: Một là có lòng tin, hai là không có lòng tin. Bồ-tát biết người có lòng tin là thiện, người không có lòng tin là bất thiện. Lại nữa, lòng tin có hai thứ: Một là thường đến chùa chiền, hai là không đến chỗ Bồ-tát. Bồ-tát biết người đến là thiện, người không đến là bất thiện. Đến chùa chiền có hai hạng: Một là lễ bái, hai là không lễ bái. Bồ-tát biết người lễ bái là thiện, người không lễ bái là bất thiện. Người lễ bái có hai hạng: Một là nghe pháp, hai là không nghe pháp. Bồ-tát biết người nghe pháp là thiện, người không nghe pháp là bất thiện. Người nghe pháp có hai hạng: Một là chí tâm nghe, hai là không chí tâm nghe. Bồ-tát biết người chí tâm nghe là người thiện, người không chí tâm nghe là người bất thiện. Chí tâm nghe có hai hạng: Một là suy nghĩ về nghĩa, hai là không suy nghĩ về nghĩa. Bồ-tát biết người suy nghĩ về nghĩa là người thiện, người không suy nghĩ về nghĩa là người bất thiện. Người suy nghĩ về nghĩa có hai hạng: Một là thực hành đúng như lời nói, hai là thực hành không đúng như lời nói. Người thực hành đúng như lời nói là thiện, người không thực hành đúng như lời nói là bất thiện. Người thực hành đúng như lời nói có hai hạng: Một là cầu quả Thanh văn, không thể đem lại lợi ích an vui cho tất cả chúng sinh khổ não, hai là hồi hướng Đại thừa vô thượng, làm lợi ích cho nhiều người khiến được an vui. Bồ-tát biết có thể làm lợi ích cho mọi người được an vui là tối thượng. Này thiện nam! Như trong các vật báu thì ngọc báu như ý là hơn hết, trong các mùi vị, cam lồ là bậc nhất. Bậc Bồ-tát như vậy ở trong hàng trời người là tôn quý nhất chẳng thể thí dụ. Này thiện nam! Đó gọi là Bồ-tát trụ nơi kinh Đại Bát Niết Bàn Đại Thừa, trụ nơi bảy pháp thiện. Bồ-tát trụ nơi bảy pháp thiện này rồi thì được đầy đủ phạm hạnh.

Lại nữa, này thiện nam! Lại có phạm hạnh gọi là Từ, Bi, Hỷ, Xả.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu tu nhiều hạnh Từ, có thể đoạn trừ sân giận, tu tâm Bi cũng có thể đoạn trừ sân giận, thì sao gọi là bốn tâm vô lượng? Xét theo nghĩa mà nói thì lẽ ra có ba. Bạch Thế Tôn! Tâm Từ có ba duyên: Một là duyên chúng sinh, hai là duyên pháp, ba là duyên không. Tâm Bi, tâm Hỷ, tâm Xả cũng như vậy. Nếu theo nghĩa này thì lẽ ra chỉ có ba mà không có bốn. Duyên chúng sinh là duyên nơi thân năm ấm, nguyện cho họ được an vui. Đó gọi là duyên chúng sinh. Duyên pháp là duyên với vật mà chúng sinh cần dùng rồi ban cho họ. Đó gọi là duyên nơi pháp. Duyên không là duyên nơi Như Lai. Đó gọi là duyên không. Tâm Từ phần nhiều duyên nơi chúng sinh nghèo cùng. Đại sư Như Lai vĩnh viễn xa lìa nghèo cùng, hưởng sự an vui đệ nhất, nếu duyên chúng sinh thì không duyên pháp Phật, cũng như vậy. Vì nghĩa đó, nên duyên Như Lai gọi là duyên không. Bạch Thế Tôn! Đối tượng duyên của Từ là tất cả chúng sinh, như duyên cha mẹ, vợ con thân thuộc. Do nghĩa này nên gọi là duyên chúng sinh. Duyên pháp là không thấy cha mẹ, vợ con thân thuộc, mà thấy tất cả các pháp đều từ duyên sinh. Đó gọi là duyên pháp. Duyên không là chẳng trụ tướng của pháp và tướng của chúng sinh. Đó gọi là duyên không. Tâm Bi, tâm Hỷ, tâm Xả cũng như vậy. Vì thế nên lẽ ra chỉ có ba chứ không có bốn. Bạch Thế Tôn! Người có hai hạnh: Một là kiến hành, hai là ái hành. Người kiến hành thì tu nhiều Từ Bi. Người ái hành thì tu nhiều Hỷ Xả. Vì vậy, lẽ ra có hai mà không có bốn. Bạch Thế Tôn! Hễ vô lượng thì gọi là vô biên, biên không thể nắm bắt được, nên gọi là vô lượng. Nếu vô lượng thì lẽ ra là một chứ không phải là bốn. Nếu nói là bốn thì sao được vô lượng. Vì vậy, lẽ ra nên nói một mà không nói bốn.

Đức Phật bảo Bồ-tát Ca-diếp:

–Này thiện nam! Chư Phật Như Lai vì các chúng sinh nên thuyết giảng pháp yếu, lời Phật dạy bí mật khó có thể hiểu hết, hoặc vì chúng sinh nói một nhân duyên, như nói: Những gì là một nhân duyên?

Đó là tất cả các pháp hữu vi. Này thiện nam! Hoặc nói hai thứ

là nhân cùng với quả hoặc nói ba thứ là phiền não, nghiệp và khổ, hoặc nói bốn thứ là vô minh, các hành, sinh và lão tử, hoặc nói năm thứ là thọ, ái, thủ, hữu và sinh, hoặc nói sáu thứ là nhân quả trong ba đời, hoặc nói bảy thứ là thức, danh sắc, sáu nhập, xúc, thọ, ái và thủ, hoặc nói tám thứ trừ vô minh, hành, sinh và lão tử, còn lại tám pháp, hoặc nói chín thứ như trong kinh Thành nói: Trừ vô minh, hành, thức, còn lại chín pháp, hoặc nói mười một thứ, như trong kinh Tát-giá Ni-kiền-tử nói: Trừ một pháp sinh còn lại mười một, hoặc có lúc nói đầy đủ mười hai nhân duyên, như ở nơi thành Vương-xá Phật vì Ca-diếp v.v... thuyết đủ mười hai nhân duyên từ vô minh cho đến sinh, lão, bệnh, tử.

Này thiện nam! Như một nhân duyên vì chúng sinh nên phân biệt nhiều thứ, tâm pháp vô lượng cũng như vậy.

Này thiện nam! Vì nghĩa ấy cho nên đối với hạnh sâu xa của Như Lai không nên nghi ngờ.

Này thiện nam! Như Lai Thế Tôn có đại phương tiện: Vô thường nói là thường, thường nói là vô thường; vui nói là khổ, khổ nói là vui; bất tịnh nói là tịnh, tịnh nói là bất tịnh; ngã nói vô ngã, vô ngã nói ngã; chẳng phải chúng sinh nói là chúng sinh, thật là chúng sinh nói chẳng phải chúng sinh; chẳng phải vật nói là vật, vật nói chẳng phải vật; chẳng phải thật nói là thật, thật nói là chẳng phải thật; chẳng phải là cảnh nói là cảnh, cảnh nói là chẳng phải cảnh; chẳng phải sinh nói là sinh, sinh nói là chẳng phải sinh, cho đến vô minh nói là minh, minh nói là vô minh; sắc nói chẳng phải sắc, chẳng phải sắc nói là sắc; chẳng phải đạo nói là đạo, đạo nói là chẳng phải đạo.

Này thiện nam! Như Lai vì điều phục chúng sinh nên dùng vô lượng phương tiện như vậy, chẳng lẽ là hư vọng chẳng!

Này thiện nam! Hoặc có chúng sinh tham lam của cải, đối với người ấy Ta hiện thân làm Chuyển luân Thánh vương ở trong vô lượng năm, tùy theo sự cần dùng của người đó mà ban cho các thứ rồi sau mới giáo hóa khiến cho người ấy trụ nơi đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nếu có chúng sinh tham đắm năm dục, thì

Ta ở trong vô lượng năm, dùng năm thứ dục tốt đẹp làm cho lòng mong cầu của người ấy được đầy đủ, sau đó mới giáo hóa khiến cho người ấy an trụ nơi đạo quả Bồ-đề vô thượng. Hoặc có chúng sinh cao quý giàu sang thì Ta sẽ ở trong vô lượng năm vì người đó làm người tôi tớ để cung cấp, hầu hạ, làm cho họ được vừa lòng, sau mới khuyến hóa khiến họ được an trụ nơi đạo quả Bồ-đề vô thượng. Hoặc có chúng sinh tánh tình thô bạo tự cho là đúng, cần có người quở trách, can gián, thì Ta sẽ ở trong vô lượng trăm ngàn năm, khuyên dạy, can ngăn, dụ dỗ khiến cho tâm người ấy được điều hòa, rồi sau đó khuyến hóa làm cho họ được an trụ nơi đạo quả Bồ-đề vô thượng.

Này thiện nam! Cũng vậy, Như Lai ở trong vô lượng năm dùng đủ loại phương tiện khiến cho các chúng sinh được an trụ nơi đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác lẽ nào là hư dối chẳng! Chư Phật Như Lai tuy ở trong các chỗ ác mà không bị nhiễm ô cũng giống như hoa sen. Này thiện nam! Nên biết nghĩa của bốn tâm vô lượng cũng như vậy.

Này thiện nam! Tâm vô lượng này thể tánh có bốn, nếu có người nào thực hành thì được sinh vào cõi trời Đại Phạm.

Này thiện nam! Như vậy phụ thuộc vô lượng có bốn, cho nên gọi là bốn. Phạm người tu tâm Từ có thể đoạn trừ tham dục, người tu tâm Bi có thể đoạn trừ sân giận, người tu tâm Hỷ có thể đoạn trừ sự không vui, người tu tâm Xả có thể đoạn trừ tham dục, sân giận cho chúng sinh. Này thiện nam! Vì nghĩa này nên được gọi là bốn mà chẳng phải là một, hai hay ba. Này thiện nam! Như lời ông nói, tâm Từ có thể dứt sự sân giận cũng như vậy, nên mới là ba. Nay ông không nên gạn hỏi như vậy. Vì sao? Này thiện nam! Sân giận có hai thứ: Một là có thể giết chết, hai là đánh đập, tu tâm Từ thì có thể đoạn dứt sự giết chết, tu tâm Bi có thể trừ được sự đánh đập. Này thiện nam! Do nghĩa này há chẳng phải là bốn chẳng!

Lại nữa, sân giận có hai thứ: Một là sân giận chúng sinh, hai là sân giận loài chẳng phải chúng sinh. Người tu tâm Từ đoạn dứt sự sân giận chúng sinh, người tu tâm Bi thì dứt hết sự sân giận chẳng

phải chúng sinh.

Lại nữa, sân giận có hai loại: Một là có nhân duyên, hai là không có nhân duyên. Người tu tâm Từ thì dứt loại có nhân duyên, người tu tâm Bi thì đoạn loại không có nhân duyên.

Lại nữa, sân giận có hai loại: Một là tập quen lâu xa ở quá khứ, hai là tập quen ở hiện tại. Người tu tâm Từ có thể đoạn loại tập quen ở quá khứ, người tu tâm Bi đoạn dứt tập quen ở hiện tại.

Lại nữa, sân giận có hai thứ: Một là sân giận với bậc Thánh, hai là sân giận với hàng phàm phu. Người tu tâm Từ đoạn sân giận với bậc Thánh, người tu tâm Bi đoạn sân giận với phàm phu.

Lại nữa, sân giận có hai thứ: Một là thượng, hai là trung. Người tu tâm Từ diệt được sân giận bậc thượng, người tu tâm bi đoạn sân giận bậc trung. Đây thiện nam! Do nghĩa này cho nên gọi là bốn. Vì sao gạn hỏi đáp lẽ là ba chẳng phải là bốn? Vì vậy, này Ca-diếp! Tâm vô lượng này tương đối giống nhau, phân biệt là bốn. Lại tùy theo căn cơ nên gọi là bốn. Nếu có tâm Từ thì không có tâm Bi, tâm Hỷ, tâm Xả. Do nghĩa này cho nên nói bốn mà không bớt. Đây thiện nam! Do hành sai khác cho nên có bốn. Khi hành hạnh Từ thì không có Bi, Hỷ, Xả, thế nên có bốn. Đây thiện nam! Vì vô lượng cho nên gọi là bốn. Luận về vô lượng thì có bốn loại: Có tâm vô lượng có duyên chẳng phải tự tại. Có tâm vô lượng có tự tại chẳng phải duyên. Có tâm vô lượng có duyên cũng có tự tại. Có tâm vô lượng chẳng phải duyên, chẳng phải tự tại. Thế nào là vô lượng có duyên, chẳng phải tự tại? Duyên với vô lượng vô biên chúng sinh mà không thể đắc Tam-muội tự tại, tuy đắc nhưng không định, hoặc được, hoặc mất. Thế nào là vô lượng tự tại chẳng phải duyên? Như duyên đối với cha mẹ, anh em, chị em, muốn làm cho họ được an vui chẳng phải là duyên vô lượng. Thế nào là tâm vô lượng cũng duyên cũng tự tại? Nghĩa là chư Phật và Bồ-tát. Thế nào là tâm vô lượng chẳng phải duyên, chẳng phải tự tại? Hàng Thanh văn, Duyên giác không thể duyên khắp vô lượng chúng sinh, cũng chẳng phải tự tại. Đây thiện nam! Do nghĩa này nên gọi là bốn vô lượng, chẳng phải hàng Thanh văn, Duyên giác biết được. Đây là cảnh giới của chư Phật

Như Lai. Nay thiện nam! Bốn việc như vậy, hàng Thanh văn, Duyên giác tuy gọi là vô lượng nhưng chỉ chút ít không đáng kể, chư Phật Bồ-tát thì được gọi là vô lượng vô biên.

Bồ-tát Ca-diếp thưa Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đúng vậy, đúng vậy! Thật như lời Phật dạy, cảnh giới của chư Phật Như Lai, hàng Thanh văn, Duyên giác chẳng thể biết được. Bạch Thế Tôn! Có Bồ-tát nào trụ nơi Đại Bát Niết Bàn Đại Thừa được tâm Từ Bi chẳng phải là tâm Đại Từ, Đại Bi chẳng?

Phật bảo:

–Có! Nay thiện nam! Nếu Bồ-tát ở trong các chúng sinh thì phân biệt ba hạng: Một là người thân, hai là kẻ oán ghét, ba là không thương cũng không ghét. Đối với người thân chia làm ba hạng: Đó là thượng, trung, hạ; đối với kẻ oán ghét cũng vậy. Đại Bồ-tát này đối với người thân bậc thượng thì ban cho sự vui bậc nhất, đối với người thân bậc trung, bậc hạ cũng đều bình đẳng ban cho sự vui bậc nhất; đối với người oán ghét bậc thượng ban cho sự vui ít, đối với kẻ oán ghét bậc trung thì ban cho sự vui loại trung, đối với kẻ oán ghét bậc hạ thì ban cho sự vui bậc nhất. Như vậy, Bồ-tát tu tập tăng thêm dần dần, đối với kẻ oán ghét bậc thượng thì ban cho sự vui bậc trung, đối với kẻ oán ghét bậc trung và bậc hạ bình đẳng ban cho sự vui bậc nhất, dần dần tu tập, đối với kẻ oán ghét bậc thượng, trung, hạ bình đẳng ban cho sự vui bậc nhất. Nếu đối với kẻ oán ghét bậc thượng mà ban cho sự vui bậc nhất, thì bấy giờ được gọi là thành tựu tâm Từ. Bồ-tát đối với cha mẹ và những kẻ oán ghét bậc thượng được tâm bình đẳng không có sai khác. Nay thiện nam! Đó gọi là được tâm Từ chẳng phải Đại Từ. Bạch Thế Tôn! Do chuyện gì mà Bồ-tát được tâm Từ như vậy nhưng không được gọi là tâm Đại Từ? Nay thiện nam! Vì khó thành tựu cho nên không gọi là Đại Từ. Vì sao? Vì từ lâu ở trong vô lượng kiếp quá khứ đã tích tập nhiều phiền não, chưa tu tập pháp thiện, cho nên không thể ở trong một ngày điều phục được tâm mình.

Nay thiện nam! Như lấy dùi dùi vào hạt đậu khô, hoàn toàn

không thể dính được, phiền não cứng chắc cũng như vậy, tuy một ngày đêm buộc tâm không cho tán loạn cũng khó có thể điều phục được. Lại như chó nhà không sợ người, nai trong rừng thấy người thì sợ hãi bỏ chạy. Sân giận khó trừ như chó giữ nhà, tâm Từ dễ mất như nai rừng kia. Thế nên tâm này khó thể điều phục. Vì nghĩa này nên không gọi là Đại Từ. Lại nữa, này thiện nam! Ví như vẽ trên đá thì chữ thường còn, vẽ dưới nước thì chóng mất không dài lâu. Sân như vẽ trên đá, các căn lành như vẽ trên nước, cho nên tâm này khó điều phục được. Vì đồng lửa lớn ánh sáng lâu dài, ánh sáng của điện chớp thì mất ngay. Sân như đồng lửa, Từ Bi như ánh chớp, cho nên tâm này khó điều phục được. Do vì nghĩa này cho nên không gọi là Đại Từ. Này thiện nam! Đại Bồ-tát trụ ở Sơ địa gọi là Đại Từ. Vì sao? Này thiện nam! Người ác tội bậc gọi là Nhất-xiển-đề. Bậc Bồ-tát Sơ địa lúc tu Đại Từ đối với Nhất-xiển-đề tâm không phân biệt, không thấy lỗi lầm của họ cho nên không sinh sân giận. Do vì nghĩa này nên gọi là Đại Từ. Này thiện nam! Vì trừ sự không lợi ích cho chúng sinh nên gọi là Đại Từ, muốn ban cho chúng sinh vô lượng sự lợi ích an vui gọi là Đại Bi. Đối với các chúng sinh tâm vui vẻ gọi là Đại Hỷ. Không thấy có sự hộ trì nên gọi là Đại Xả. Nếu không thấy tướng ngã, pháp, thân mình mà thấy các pháp bình đẳng không hai, thì đó gọi là Đại Xả. Tự xả bỏ niềm vui của mình ban cho người khác gọi là Đại Xả. Này thiện nam! Chỉ có bốn tâm vô lượng mới có thể khiến cho Bồ-tát tăng trưởng đầy đủ sáu Ba-la-mật, còn các hạnh khác thì chẳng được như vậy. Này thiện nam! Đại Bồ-tát trước nên được bốn tâm vô lượng thế gian, sau đó mới phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, kế đến mới được tâm vô lượng xuất thế gian. Này thiện nam! Do tâm vô lượng thế gian mà được tâm vô lượng xuất thế gian. Do nghĩa này nên gọi là Đại vô lượng.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Trừ sự không lợi ích ban cho sự lợi ích an vui, thì thật không có tác dụng gì. Suy nghĩ như vậy tức là quán xét rỗng không, không có lợi ích.

Bạch Thế Tôn! Ví như Tỳ-kheo khi quán bất tịnh, thấy y của mình đắp đều là tướng da mà thật chẳng phải là da, thức ăn uống

đều là tướng trùng mà thật chẳng phải là trùng, quán bát canh đậu như tướng phân mà thật chẳng là phân, quán sữa đặc giống như tủy não mà thật chẳng phải là tủy não, quán xương nát vụn giống như bột gạo mà thật chẳng phải là bột gạo. Bốn tâm vô lượng cũng như vậy, chẳng thể đem lại lợi ích chân thật làm cho chúng sinh được an lạc. Tuy miệng nói ra lời ban vui cho chúng sinh mà thật không thể được, quán như vậy chẳng phải hư vọng chăng? Bạch Thế Tôn! Nếu chẳng phải hư vọng mà thật sự ban cho niềm vui thì vì sao các chúng sinh không nhờ lực oai đức của chư Phật, Bồ-tát để hết thấy đều được an vui? Nếu quả thật chẳng được sự an vui thì như lời Phật dạy là, ta nhớ thuở trước chỉ tu tâm Từ, trải qua bảy phen thành hoại của kiếp này không sinh lại ở đây, khi thế giới thành thì sinh vào ở cõi Phạm Thiên, khi thế giới hoại sinh vào cõi trời Quang Âm. Nếu sinh lên cõi trời Phạm Thiên thì có thể lực tự tại, không ai có thể hàng phục, ở trong ngàn vị Phạm thiên là bậc tối thắng tối thượng gọi là Đại Phạm vương. Có các chúng sinh đối với ta tưởng là bậc tối thượng. Ba mươi sáu lần làm Thiên vương Đạo-lợi, Thích-đề-hoàn-nhân, vô lượng trăm ngàn lần làm Chuyển luân vương. Ta chỉ tu tâm Từ mới được quả báo của hàng trời người như vậy. Nếu không thật làm sao lại được tương ứng với nghĩa này?

Phật dạy:

–Lành thay! Lành thay! Nay thiện nam! Ông thật dũng mãnh không sợ hãi. Phật liền vì Ca-diếp nói kệ:

*Đối với một chúng sinh
Không sinh tâm giận dữ
Nguyện cho họ an vui
Đó gọi là tâm Từ
Trong tất cả chúng sinh
Nếu phát khởi tâm Bi
Gọi là chủng tánh Thánh
Được phước báo vô lượng
Giả sử Tiên ngũ thông
Đầy khắp mặt đất này*

*Có trời Đại Tự Tại
Ban cho sự an ổn
Voi ngựa đủ thứ vật
Được quả báo phước đức
Không bằng tu tâm Từ
Một phần trong mười sáu.*

Này thiện nam! Luận rằng người tu tâm Từ thật chẳng phải vọng tưởng chắc chắn là chân thật. Nếu là tâm Từ của hàng Thanh văn và Duyên giác thì gọi là hư vọng. Tâm Từ của chư Phật và Bồ-tát thì chân thật không hư vọng. Vì sao biết được? Này thiện nam! Đại Bồ-tát tu hành Đại Niết-bàn này quán đất là vàng, quán vàng là đất; quán đất làm tướng nước, nước làm tướng đất; nước làm tướng lửa, lửa làm tướng nước; đất làm tướng gió, gió làm tướng đất, theo ý thành tựu không có hư vọng. Quán thật chúng sinh chẳng phải là chúng sinh, quán chẳng phải là chúng sinh là thật chúng sinh, đều theo ý thành tựu không có hư vọng. Này thiện nam! Nên biết bốn tâm vô lượng Bồ-tát là tư duy chân thật, chẳng phải không chân thật. Lại nữa, này thiện nam! Thế nào gọi là tư duy chân thật? Nghĩa là có thể đoạn trừ các phiền não. Này thiện nam! Hễ người tu tâm Từ thì có thể đoạn trừ tham dục, người tu tâm Bi thì có thể đoạn trừ sân giận, người tu tâm Hỷ thì có thể đoạn trừ sự không vui, người tu tâm Xả thì có thể đoạn tham, sân và tướng chúng sinh. Vì thế nên gọi là tư duy chân thật. Lại nữa, này thiện nam! Bốn tâm vô lượng của Đại Bồ-tát có thể làm căn bản cho tất cả các hạnh lành. Này thiện nam! Đại Bồ-tát nếu không thấy được chúng sinh nghèo cùng thì không có duyên để sinh khởi tâm Từ, nếu không phát sinh tâm Từ thì không thể khởi tâm bố thí, nhờ duyên bố thí khiến cho chúng sinh được an ổn, vui vẻ. Đó là bố thí các thức ăn uống, xe cộ, y phục, hương hoa, giường nằm, nhà cửa, đèn đuốc. Khi bố thí như vậy tâm không vướng mắc, không sinh tham trước, hoàn toàn hồi hướng về đạo quả Bồ đề Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bấy giờ, tâm ấy không còn nương tựa, dứt hết vọng tưởng, không còn sợ hãi, không mong lợi dưỡng, tiếng khen, không cầu thọ nhận sự an vui của hàng trời,

người, không sinh tâm kiêu mạn, chẳng trông sự báo đáp, chẳng lừa dối người khác. Nên làm việc bố thí, không cầu giàu sang. Phạm khi thực hành bố thí không thấy người nhận là trì giới hay phá giới, là ruộng phước hay chẳng phải ruộng phước, là tri thức hay chẳng phải tri thức. Khi bố thí không thấy là đồ vật hay chẳng phải đồ vật, không lựa chọn ngày giờ, là nơi chốn hay chẳng phải nơi chốn, cũng không so sánh nghèo thiếu hay giàu sang, không thấy nhân quả, đây là chúng sinh, đây chẳng phải là chúng sinh, là phước chẳng phải phước, tuy không thấy người bố thí, người thọ nhận và tài vật, cho đến không thấy đoạn trừ và quả báo mà thường thực hành bố thí không có dừng nghĩ.

Này thiện nam! Nếu Bồ-tát thấy người trì giới, phá giới cho đến quả báo thì không bao giờ có thể bố thí, nếu không bố thí thì không đầy đủ Bố thí Ba-la-mật, nếu không đầy đủ Bố thí Ba-la-mật thì không thể thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này thiện nam! Ví như có người bị mũi tên độc trên thân, quyến thuộc của người ấy muốn cho người ấy được an ổn. Vì muốn trừ độc nên mời lương y đến nhổ mũi tên ra. Người đó liền nói: “Hãy đợi! Chớ rút ra. Để ta xem mũi tên độc này từ đâu đến? Người nào bắn? Là Sát-lợi, Bà-la-môn, Tỳ-xá hay Thủ-đà-la?”. Lại nghĩ: “Bằng cây gì, trúc hay liễu? Mũi tên sắc ấy được làm từ đâu? Cứng hay mềm? Đuôi là lông chim gì? Cánh của quạ hay chim ưng? Chất độc ở trong mũi tên là làm ra hay tự nhiên mà có? Là độc người hay độc rắn?”. Người ngu si này rốt cuộc chưa biết được mà đã chết.

Này thiện nam! Bồ-tát cũng vậy, nếu khi thực hành bố thí mà phân biệt người thọ nhận là trì giới hay phá giới, cho đến quả báo thì hoàn toàn không thể bố thí. Nếu không thể bố thí thì không đầy đủ Bố thí Ba-la-mật, nếu không đầy đủ Bố thí Ba-la-mật thì không thể thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này thiện nam! Đại Bồ-tát khi thực hành bố thí đối với các chúng sinh khởi tâm Từ bình đẳng xem như con mình. Lại khi thực hành bố thí khởi tâm Bi thương xót các chúng sinh ví như cha mẹ chăm sóc đứa con đang bị ốm đau. Khi thực hành bố thí, tâm Bồ-tát hoan hỷ như cha mẹ thấy con được lành bệnh. Sau khi đã bố thí tâm Bồ-tát buông bỏ

như cha mẹ thấy con khôn lớn đã có thể tự sinh sống được. Đại Bồ-tát này ở trong tâm Từ, lúc bố thí thức ăn thường nguyện: “Nay ta bố thí cho hết thảy chúng sinh cùng thọ nhận. Do nhân duyên này khiến cho chúng sinh được thức ăn trí tuệ lớn, siêng năng, hồi hướng Đại thừa vô thượng. Nguyện cho các chúng sinh được thức ăn thiện trí, không cầu thức ăn của hàng Thanh văn, Duyên giác. Nguyện cho chúng sinh được thức ăn pháp hỷ, mà không cầu thức ăn ái nhiễm. Nguyện cho chúng sinh được thức ăn Trí tuệ Ba-la-mật, làm cho được đầy đủ, thâm giữ vô ngại thêm lớn thiện căn. Nguyện các chúng sinh tỏ ngộ tướng không, được thân vô ngại như hư không. Nguyện các chúng sinh thường vì người thọ nhận, thương xót tất cả, vì họ mà làm ruộng phước”. Nay thiện nam! Đại Bồ-tát khi tu tâm Từ, lúc bố thí thức ăn thì nên phát các nguyện kiên cố như thế.

Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát ở trong tâm Từ, khi bố thí nước uống nên nguyện: “Nay ta bố thí nước uống cho tất cả chúng sinh cùng thọ dụng. Do nhân duyên này khiến cho các chúng sinh hưởng đến sông Đại thừa, uống nước tám vị, sớm đạt đến con đường Bồ-đề vô thượng, xa lìa chỗ khô cạn của hàng Thanh văn, Duyên giác, khát ngưỡng cầu Phật thừa vô thượng, đoạn dứt phiền não, khát ngưỡng pháp vị, xa lìa ái nhiễm sinh tử, ưa thích Đại Bát Niết Bàn Đại Thừa, đầy đủ pháp thân, được các Tam-muội, nhập vào biển cả trí tuệ sâu xa. Nguyện cho các chúng sinh được mùi vị cam lồ Bồ-đề, ra khỏi thế gian, lìa dục được tịch tĩnh như các mùi vị này. Nguyện cho các chúng sinh đầy đủ trăm ngàn pháp vị, đầy đủ vô lượng trăm ngàn pháp vị, đầy đủ pháp vị rồi thì được thấy Phật tánh, thấy Phật tánh rồi có thể rưới mưa pháp, rưới mưa pháp rồi thì Phật tánh cùng khắp giống như hư không. Lại khiến vô lượng chúng sinh khác được pháp vị duy nhất, tức là Đại thừa, chẳng phải vị Thanh văn, Phật-bích-chi. Nguyện cho các chúng sinh được vị ngọt duy nhất, không có sáu loại vị sai khác. Nguyện cho chúng sinh chỉ cầu pháp vị, vị sở hành pháp Phật vô ngại, không cầu các vị khác”. Nay thiện nam! Đại Bồ-tát ở trong tâm Từ lúc bố thí thức uống nên phát những nguyện vững chắc như vậy.

Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát ở trong tâm Từ khi bố thí

xe cộ, nên phát nguyện như vậy: “Nay ta đem tất cả vật bố thí cho chúng sinh cùng thọ dụng. Do nhân duyên này khiến cho chúng sinh thành tựu được Đại thừa, được trụ nơi Đại thừa, được thừa không thoái chuyển, thừa không lay động, thừa tòa kim cang, không cầu thừa Thanh văn, Phật-bích-chi, chỉ hướng đến Phật thừa, thừa không thể hàng phục, thừa không khiếm khuyết, thừa không chìm đắm, thừa vô thượng, thừa mười lực, thừa công đức lớn, thừa chưa từng có, thừa hiếm có, thừa khó được, thừa vô biên, thừa biết tất cả”. Nay thiện nam! Đại Bồ-tát ở trong tâm Từ khi bố thí xe cộ thường nên phát thệ nguyện kiên cố như vậy.

Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát ở trong tâm Từ khi bố thí y phục nên nguyện như vậy: “Nay ta bố thí y phục cho tất cả chúng sinh cùng thọ dụng. Do nhân duyên này khiến các chúng sinh được y phục hổ thẹn, pháp giới che thân, xé rách các y phục kiến chấp, y phục cách thân một thước sáu tấc, được thân sắc vàng, sự xúc phạm êm dịu, không còn chướng ngại, sắc sáng tươi nhuận, da dẻ mịn màng, thường có vô lượng ánh sáng, không sắc, lìa sắc. Nguyện cho các chúng sinh đều được thân vô sắc, vượt tất cả sắc, được nhập Đại Niết-bàn vô sắc”. Nay thiện nam! Đại Bồ-tát khi bố thí y phục cần phải phát thệ nguyện kiên cố như vậy.

Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát ở trong tâm Từ lúc bố thí hương xoa, hương bột, các loại hương, nên phát nguyện như vậy: “Nay ta bố thí các vật ấy cho tất cả chúng sinh cùng thọ dụng. Do nhân duyên này khiến các chúng sinh đều được hoa Tam-muội, tràng hoa đẹp bầy giác chi của Phật quán trên đầu. Nguyện cho các chúng sinh thân hình xinh đẹp như trăng tròn, thấy các sắc vi diệu đệ nhất. Nguyện cho các chúng sinh tùy ý được thấy sắc tùy ý. Nguyện cho các chúng sinh thường gặp bạn lành, được hương vô ngại, xa lìa những ô uế. Nguyện cho các chúng sinh được đầy đủ căn lành, châu báu vô lượng. Nguyện cho các chúng sinh cùng nhau vui vẻ không có buồn khổ, đầy đủ hạnh lành, không còn lo nghĩ. Nguyện cho các chúng sinh đầy đủ hương giới. Nguyện cho các chúng sinh trì giới không trở ngại, mùi hương ngào ngạt khắp cả mười phương. Nguyện cho các chúng sinh được giới kiên cố, giới không ăn năn, giới nhất

thiết trí, xa lìa các sự phá giới, đều được giới không, giới chưa từng có, giới vô sự, giới vô tác, giới không ô nhiễm, giới đã hoàn toàn, giới cứu cánh, giới bình đẳng. Đối với người dùng hương xoa vào người dùng đao đâm chém vào thân, không hề thương hay ghét. Nguyên cho các chúng sinh được giới vô thượng, giới Đại thừa, giới chẳng phải Tiểu thừa. Nguyên cho các chúng sinh đầy đủ Giới Ba-la-mật, giống như giới chư Phật đã thành tựu. Nguyên cho các chúng sinh đều được huân tu hạnh Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ. Nguyên cho các chúng sinh thấy đều thành tựu hoa sen vi diệu Đại Niết-bàn, mùi hương của hoa ấy bay khắp cả mười phương. Nguyên cho các chúng sinh chỉ ăn toàn món ăn thơm ngon vô thượng Đại Niết-bàn Đại thừa. Như ong hút nhụy hoa chỉ hút vị hương. Nguyên cho các chúng sinh đều được thành tựu thân đã huân tu vô lượng công đức”. Nay thiện nam! Đại Bồ-tát ở trong tâm Từ lúc bố thí hương hoa, thường phát thệ nguyện vững chắc như vậy.

Lại nữa, nay thiện nam! Đại Bồ-tát ở trong tâm Từ khi bố thí giường nằm nên nguyện như vậy: “Nay ta bố thí giường nằm cho tất cả chúng sinh cùng thọ dụng. Do nhân duyên này khiến cho tất cả chúng sinh được giường nằm của bậc Thiên Trung Thiên, được trí tuệ lớn, ngồi chỗ Tứ thiền, nằm giường nằm của Bồ-tát, không nằm giường của Thanh văn, Phật-bích-chi, xa lìa giường nằm xấu ác. Nguyên cho các chúng sinh được nằm giường an lạc, xa lìa giường sinh tử, thành tựu giường nằm Sư tử Đại Niết-bàn. Nguyên cho các chúng sinh ngồi trên giường này rồi, lại vì vô lượng chúng sinh khác thị hiện thần thông Sư tử du hý. Nguyên cho các chúng sinh trụ trong cung điện lớn Đại thừa này, vì chúng sinh mà giảng nói Phật tánh. Nguyên cho các chúng sinh ngồi trên giường vô thượng, không bị pháp thế gian hàng phục. Nguyên cho các chúng sinh được giường nhẫn nhục, xa lìa sinh tử, thiếu thốn, đói rét. Nguyên cho các chúng sinh được giường vô úy, xa lìa tất cả giặc phiền não. Nguyên cho các chúng sinh được giường thanh tịnh, chuyên cầu đạo Chân chánh vô thượng. Nguyên cho các chúng sinh được giường pháp thiện, thường được bạn tốt giúp đỡ. Nguyên cho các chúng sinh được giường nằm hông bên phải, nương nơi pháp chư Phật để thực hành”. Nay thiện

nam! Đại Bồ-tát ở trong tâm Từ lúc bố thí gương chiếu, nên phải phát lời nguyện kiên cố như vậy.

Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát ở trong tâm Từ lúc bố thí nhà cửa thường phát nguyện như vậy: “Ta nay bố thí nhà cửa cho tất cả chúng sinh cùng thọ dụng. Do nhân duyên này khiến cho chúng sinh ở nhà Đại thừa, thực hành các hạnh của thiện hữu đã hành, tu hạnh đại bi, hạnh sáu Ba-la-mật, hạnh của bậc Đại chánh giác, đạo hạnh của tất cả Bồ-tát đã làm, hạnh rộng lớn vô biên như hư không. Nguyện cho các chúng sinh đều được chánh niệm, xa lìa niệm ác. Nguyện cho các chúng sinh đều được an trụ thường, lạc, ngã, tịnh, hoàn toàn xa lìa bốn thứ điên đảo. Nguyện cho các chúng sinh thấy đều thọ trì văn tự xuất thế gian. Nguyện cho các chúng sinh đều là pháp khí nhất thiết trí vô thượng. Nguyện cho các chúng sinh đều được vào nhà cửa cam lồ. Nguyện cho các chúng sinh lúc đầu, giữa, sau tâm thường được vào nhà Niết-bàn Đại thừa. Nguyện cho các chúng sinh trong đời vị lai thường ở nơi cung điện của Bồ-tát ở”. Này thiện nam! Đại Bồ-tát ở trong tâm Từ lúc bố thí nhà cửa nên phát lời nguyện kiên cố như vậy.

Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát ở trong tâm Từ khi bố thí đèn sáng, phát nguyện như vậy: “Nay ta bố thí đèn sáng cho tất cả chúng sinh cùng thọ dụng. Do nhân duyên này khiến cho các chúng sinh được vô lượng ánh sáng, an trụ nơi pháp của Phật. Nguyện cho các chúng sinh thường được chiếu sáng. Nguyện cho các chúng sinh được sắc vi diệu nhuần sáng đệ nhất. Nguyện cho các chúng sinh được mắt thanh tịnh không màng che. Nguyện cho các chúng sinh được đước đại trí, khéo biết rõ không có tướng ngã, không có tướng nhân, không có tướng chúng sinh, không có tướng thọ mạng. Nguyện cho các chúng sinh đều thấy được Phật tánh thanh tịnh giống như hư không. Nguyện cho các chúng sinh được nhục nhãn thanh tịnh thấy suốt hằng hà sa thế giới trong mười phương. Nguyện cho các chúng sinh được ánh sáng của chư Phật chiếu khắp mười phương. Nguyện cho các chúng sinh được con mắt vô ngại thấy đều thấy được Phật tánh thanh tịnh. Nguyện cho các chúng sinh được ánh sáng đại trí phá tất cả sự tối tăm và Nhất-xiển-đề. Nguyện cho các chúng sinh

đạt được vô lượng ánh sáng chiếu khắp vô lượng thế giới của chư Phật. Nguyên cho các chúng sinh thấp đèn Đại thừa, bỏ đèn Nhị thừa. Nguyên cho các chúng sinh được ánh sáng diệt trừ vô minh tối tăm, công dụng chiếu sáng hơn một ngàn mặt trời. Nguyên cho các chúng sinh được ánh sáng lớn diệt trừ những sự tối tăm của ba ngàn đại thiên thế giới. Nguyên cho các chúng sinh đầy đủ năm nhãn, ngộ được pháp tướng, thành vô sư trí. Nguyên cho các chúng sinh thấy rõ vô minh. Nguyên cho các chúng sinh đều được ánh sáng vi diệu Đại Bát Niết Bàn Đại thừa, nhằm khai ngộ Phật tánh chân thật của chúng sinh”. Nay thiện nam! Đại Bồ-tát ở trong tâm Từ khi bố thí đèn sáng thường phát thệ nguyện vững chắc như vậy.

Nay thiện nam! Tất cả căn lành của hàng Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát, chư Phật Như Lai đều lấy tâm Từ làm căn bản. Nay thiện nam! Đại Bồ-tát tu tập tâm Từ có thể sinh ra vô lượng căn lành như vậy. Đó là tu quán: Bất tịnh, hơi thở ra vào, vô thường sinh diệt, Bốn niệm xứ, Bảy phương tiện, Ba quán xứ, Mười hai nhân duyên, Vô ngã v.v... cùng với Pháp noãn, Pháp đánh, Pháp nhẫn, Pháp thế đệ nhất, Kiến đạo, Tu đạo, Bốn chánh cần, Bốn như ý túc, Năm căn, Năm lực, Bảy Bồ-đề phần, Tám Thánh đạo, Bốn thiền, Bốn tâm vô lượng, Tám giải thoát, Tám thắng xứ, Mười nhất thiết nhập, Không, Vô tướng, Vô nguyên, Tam-muội Vô tránh, biết tha tâm trí và biết các thần thông, biết trí bản tế, trí Thanh văn, trí Duyên giác, trí Bồ-tát, trí Phật. Nay thiện nam! Vì nghĩa đó nên Từ là chân thật, chẳng phải hư vọng. Nếu có người hỏi cái gì là căn bản của tất cả căn lành thì nên đáp chính là tâm Từ. Do nghĩa này cho nên tâm Từ là chân thật, chẳng phải hư vọng. Nay thiện nam! Người có thể tạo căn lành gọi là thật tư duy, người thật tư duy gọi là Từ. Từ tức là Như Lai, Từ tức là Đại thừa. Đại thừa tức là Từ, Từ tức là Như Lai. Nay thiện nam! Từ tức là đạo Bồ-đề, đạo Bồ-đề tức là Như Lai. Như Lai tức là Từ. Nay thiện nam! Từ tức là Đại Phạm, Đại Phạm tức là Từ. Từ tức là Như Lai. Nay thiện nam! Từ có thể vì tất cả chúng sinh mà làm cha mẹ. Cha mẹ tức là Từ, Từ chính là Như Lai. Nay thiện nam! Từ không thể nghĩ bàn, cảnh giới chư Phật tức là Từ, nên biết Từ chính là Như Lai. Nay thiện nam! Từ là Phật tánh của chúng sinh, Phật

tánh ấy từ lâu bị phiền não che lấp, làm cho chúng sinh không thấy được. Phật tánh tức là Từ, Từ tức là Như Lai. Nay thiện nam! Từ tức là Đại không, Đại không tức là Từ, Từ tức là Như Lai. Nay thiện nam! Từ tức là Hư không, Hư không tức là Từ, Từ tức là Như Lai. Nay thiện nam! Từ là thường, thường tức là Pháp, Pháp tức là Tăng, Tăng tức là Từ, Từ tức là Như Lai. Nay thiện nam! Từ tức là Lạc, Lạc tức là Pháp, Pháp tức là Tăng, Tăng tức là Từ, Từ tức là Như Lai. Nay thiện nam! Từ tức là Tịnh, Tịnh tức là Pháp, Pháp tức là Tăng, Tăng tức là Từ, Từ tức là Như Lai. Nay thiện nam! Từ tức là Ngã, Ngã tức là Pháp, Pháp tức là Tăng, Tăng tức là Từ, Từ tức là Như Lai. Nay thiện nam! Từ tức là Cam lồ, Cam lồ tức là Từ, Từ tức là Phật tánh, Phật tánh tức là Pháp, Pháp tức là Tăng, Tăng tức là Từ, Từ tức là Như Lai. Thiện nam! Từ tức là Đạo vô thượng của tất cả Bồ-tát, Đạo là Từ, Từ tức là Như Lai. Thiện nam! Từ tức là Vô lượng cảnh giới của chư Phật Thế Tôn, Vô lượng cảnh giới tức là Từ, nên biết Từ tức là Như Lai.

Này thiện nam! Từ nếu là vô thượng, vô thượng tức là Từ, thì nên biết Từ này là Từ của Thanh văn.

Này thiện nam! Nếu Từ là khổ, khổ tức là Từ, thì nên biết Từ này là Từ của Thanh văn.

Này thiện nam! Nếu Từ là bất tịnh, bất tịnh tức là Từ, thì nên biết Từ này là Từ của Thanh văn.

Này thiện nam! Nếu Từ là vô ngã, vô ngã tức là Từ, thì nên biết Từ này là Từ của Thanh văn.

Này thiện nam! Nếu Từ là vọng tưởng, vọng tưởng là Từ, thì nên biết Từ này là Từ của Thanh văn.

Này thiện nam! Nếu Từ chẳng gọi là Bồ thí Ba-la-mật, chẳng phải là Từ của Bồ thí, nên biết đó là Từ của Thanh văn. Cho đến Bát-nhã Ba-la-mật cũng vậy.

Này thiện nam! Nếu Từ chẳng thể làm lợi ích cho chúng sinh, thì Từ như vậy là Từ của Thanh văn.

Này thiện nam! Nếu Từ không vào đạo Nhất thừa, thì nên biết Từ đó là Từ của Thanh văn.

Này thiện nam! Nếu Từ không hiểu rõ các pháp, thì nên biết Từ đó là Từ của Thanh văn.

Này thiện nam! Nếu Từ không thể thấy tánh Như Lai, thì nên biết Từ đó là Từ của Thanh văn.

Này thiện nam! Nếu Từ thấy các pháp đều có tướng, thì nên biết Từ đó là Từ của Thanh văn.

Này thiện nam! Nếu Từ là hữu lậu thì Từ hữu lậu ấy là Từ của Thanh văn.

Này thiện nam! Nếu Từ là hữu vi thì Từ hữu vi ấy là Từ của Thanh văn.

Này thiện nam! Nếu Từ chẳng trụ bậc Sơ trụ, chẳng phải Từ Sơ trụ, thì nên biết Từ đó là Từ của Thanh văn.

Này thiện nam! Nếu Từ không thể được Mười lực của Phật Vô Sở Úy, thì nên biết Từ ấy là Từ của Thanh văn.

Này thiện nam! Nếu Từ không thể đạt được bốn quả Sa-môn, thì nên biết Từ ấy là Từ của Thanh văn.

Này thiện nam! Nếu Từ là có, không, chẳng phải có, chẳng phải không, thì Từ như vậy hàng Thanh văn, Phật-bích-chi chẳng thể nghĩ bàn được.

Này thiện nam! Nếu Từ chẳng thể nghĩ bàn được thì Pháp chẳng thể nghĩ bàn, Phật tánh chẳng thể nghĩ bàn, Như Lai cũng không thể nghĩ bàn.

Này thiện nam! Đại Bồ-tát trụ nơi Đại Bát Niết Bàn Đại Thừa, tu tâm Từ như vậy, tuy ở trong giấc ngủ mà chẳng ngủ, vì chuyên cần tinh tấn, tuy thường tỉnh thức cũng không tỉnh thức vì không hề ngủ nghỉ. Ở trong giấc ngủ chư Thiên tuy hộ vệ cũng không phải hộ vệ vì không làm việc ác, lúc ngủ không có ác mộng, không có điều chẳng lành, vì xa lìa ngủ nghỉ. Sau khi chết tuy được sinh vào cõi Phạm thiên nhưng cũng không có chỗ sinh, vì được tự tại.

Này thiện nam! Hễ người tu tâm Từ thì có thể thành tựu được vô lượng vô biên công đức như vậy.

Này thiện nam! Kinh điển Đại Niết-bàn vì diệu này cũng có thể thành tựu vô lượng vô biên công đức như thế, chư Phật Như Lai

cũng thành tựu vô lượng vô biên công đức cũng như vậy.

